

THÔN HƯNG NAM
BIỂU THỐNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BÃO SỐ 5

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Hà Văn Tương		2500			1.250.000
2	Lê Công Duy		1000			500.000
3	Nguyễn Đình Quyền		2000			1.000.000
4	Hà Văn An		2000			1.000.000
5	Hà Văn Tuấn		1000			500.000
6	Nguyễn Ngọc Dũng		1500			750.000
7	Hà Văn Dũng		2000			1.000.000
8	Nguyễn Đình Lành	2000	1000			2.500.000
9	Chu Văn Thông	1000	2000			2.000.000
10	Nguyễn Đình Hùng		1000			500.000
11	Nguyễn Đình Hà		2000			1.000.000
12	Nguyễn Đình Tương		4000			2.000.000
13	Nguyễn Đình Trọng		3500			1.750.000

14	Nguyễn Đình Tịu		3000			1.500.000
15	Nguyễn Đình Bé		3000			1.500.000
16	Phan Văn Nam		1000			500.000
17	Hà Thị Hương		1500			750.000
18	Chu Văn Dũng		2000			1.000.000
19	Lê Văn Minh		2400			1.200.000
20	Hoàng Văn Hùng		3000		500	1.875.000
21	Lê Văn Tự		1500			750.000
22	Võ Thị Ninh		2000			1.000.000
23	Lê Văn Thuấn		1500			750.000
24	Chu Văn Công		3000			1.500.000
25	Chu Văn Long		2000			1.000.000
26	Chu Văn Thìn		1600			800.000
27	Hà Huy Anh		2400			1.200.000
28	Nguyễn Đình Được (Lành)		2500			1.250.000
29	Chu Văn Duyên		2000			1.000.000
30	Hà Huy Trung		1000			500.000
31	Nguyễn Đình Kỳ		3500			1.750.000
32	Chu Hải Tuyên		2500			1.250.000
33	Nguyễn Đình Lự		2000		500	1.375.000
34	Nguyễn Đình Lục		2500			1.250.000
35	Chu Văn Được		2500			1.250.000
36	Chu Văn Ước		2000			1.000.000
37	Chu Văn Diện		2000			1.000.000

38	Lê Văn Thọ		2500			1.250.000
39	Nguyễn Đình Thuyết		2300			1.150.000
40	Hà Văn Thái		1500			750.000
41	Phạm Thị Châu		2000			1.000.000
42	Nguyễn Đình Phương		3000	800	450	3.037.500
43	Hà Huy Nam		2000			1.000.000
44	Nguyễn Đình Châu		3500			1.750.000
45	Nguyễn Đình Thành		3000			1.500.000
46	Hà Văn Nuôi		3000			1.500.000
47	Nguyễn Đình Cử		1700			850.000
48	Nguyễn Đình Anh		2500			1.250.000
49	Nguyễn Đình Tương		2000			1.000.000
50	Trương Thị Duyệt		2000			1.000.000
51	Nguyễn Đình Lịch	2000	2000			3.000.000
52	Nguyễn Đình Đại		1700		700	1.375.000
53	Nguyễn Thị Phương Lan		2500			1.250.000
54	Chu Văn Phúc		2000			1.000.000
55	Nguyễn Thị Xanh	2000	1000			2.500.000
56	Chu Văn Hải	1000	2000		500	2.375.000
57	Chu Văn Liệu		2500			1.250.000
58	Hà Thị Nguyệt		739			369.500
59	Nguyễn Thị Lý		1600			800.000
60	Chu Văn Giáp		1500			750.000
61	Nguyễn Đình Minh		1000			500.000

62	Nguyễn Đình Phúc		6000			3.000.000
63	Phan Viết Sửu		1000			500.000
64	Phan Thị Khuom		2000			1.000.000
65	Nguyễn Thị Thân		2000			1.000.000
66	Phan Thị Hồng (chưa ký)	1000	2319			2.159.500
67	Nguyễn Thị Hường	500	2177			1.588.500
68	Phan Thị Hoàn		1000			500.000
69	Hoàng Thị Đón	700	2038			1.719.000
70	Thiều Thị Toàn		2000			1.000.000
71	Trần Văn Thao	500	895			947.500
72	Trần Văn Thỏa		2955			1.477.500
73	Phan Thị Thiểu	500	2084			1.542.000
74	Lê Thị Thu		1463			731.500
75	Phan Văn Thành	2000	2533			3.266.500
76	Phan Văn Thuận		3486			1.743.000
77	Phạm Thị Cảnh		3672			1.836.000
78	Phan Viết Vững		3227			1.613.500
79	Nguyễn Đình Xiêm	500	2335			1.667.500
80	Lê Thị Vinh (1944)		1500			750.000
81	Chu Văn Xuân	500	2800			1.900.000
82	Nguyễn Thị Thảo		3380			1.690.000
83	Trần Văn Liêu		2400			1.200.000
84	Phan Chí Đông		3378			1.689.000
85	Chu Văn Tấn		500			250.000

86	Phan Xuân Cường(Vĩnh)	500	2101			1.550.500
87	Lê Thị Vinh		907			453.500
88	Chu Văn Quyên	500				500.000
89	Lê Văn Hòa		3265			1.632.500
90	Lê Văn Vệ		4750			2.375.000
91	Nguyễn Như Tâm		2716			1.358.000
92	Phan Thị Cườm	500	1736			1.368.000
93	Phan Viết Tịnh (xem lại)	500	2406			1.703.000
94	Phan Viết Thai	500	2500			1.750.000
95	Phan Xuân Tùng		2500			1.250.000
96	Phan Viết Ty	966	2615			2.273.500
97	Phan Văn Lượng		830			415.000
98	Lê Văn Trọng	600	2891			2.045.500
99	Hoàng Văn Trọng		1905			952.500
100	Nguyễn Đình Tuyên	500	1050			1.025.000
101	Nguyễn Đình Tuấn	500	3287			2.143.500
102	Nguyễn Thị Đào	1650	250			1.775.000
103	Phan Viết Sửu		3000			1.500.000
104	Nguyễn Thị Thanh		2129			1.064.500
105	Phan Viết Thịnh	500	2767			1.883.500
106	Lê Văn Thịnh		2637			1.318.500
107	Hà Thị Liên	500	2000			1.500.000
108	Phan Viết Tiệp		1945			972.500
109	Nguyễn Đức Toàn	500	428		500	1.089.000

110	Nguyễn Như Trường		2364			1.182.000
111	Phan Viết Nhưòng		3600	600		2.700.000
112	Trần Văn Nhật		2692			1.346.000
113	Nguyễn Đình Nhật		3166			1.583.000
114	Chu Văn Nuôi		3668			1.834.000
115	Hội Phụ Nữ	1600	800			2.000.000
116	Trần Văn Nuôi		3802			1.901.000
117	Nguyễn Đình Nồng		861			430.500
118	Trần Văn Phụng	500	1928			1.464.000
119	Chu Văn Phú		1617			808.500
120	Lê Công Phúc	1000	2722			2.361.000
121	Phan Văn Phúc	500	2118			1.559.000
122	Nguyễn Thị Hồng	500	2584			1.792.000
123	Lê Văn Quế		3745			1.872.500
124	Phan Viết Quốc	500	3390			2.195.000
125	Lê Văn Quốc	500	3795			2.397.500
126	Chu Văn Quý		1367			683.500
127	Nguyễn Như Sơn		2741			1.370.500
128	Nguyễn Đình Luận	500	3681			2.340.500
129	Trần Văn Long	700	6033			3.716.500
130	Phan Viết Hòa		4197			2.098.500
131	Phan Viết Huỳnh		1582			791.000
132	Phan Thị Hương		1680			840.000
133	Chu Thị Hân		560			280.000

134	Hà Thị Hậu	500	1646			1.323.000
135	Lê Công Lưu		3376			1.688.000
136	Lê Thị Viện		1090			545.000
137	Trần Văn Linh		4686			2.343.000
138	Phan Viết Lân		2560			1.280.000
139	Nguyễn Thị Lâm		2891			1.445.500
140	Phan Viết Bằng		1301			650.500
141	Hà Thị Bình		2529			1.264.500
142	Trần Văn Thuận		1562			781.000
143	Nguyễn Đình Ca	2625	1450			3.350.000
144	Chu Văn Chính		4135			2.067.500
145	Chu Văn Chuân		6802			3.401.000
146	Phan Thị Ngân		1213			606.500
147	Chu Văn Chuẩn	1033	3067			2.566.500
148	Trần Đình Chương		2745			1.372.500
149	Lê Thị Cháu		628			314.000
150	Phan Viết Cấp	500	1854			1.427.000
151	Phan Thị Thực		3018			1.509.000
152	Nguyễn Thị Diệu		1251			625.500
153	Phan Viết Diện		2462			1.231.000
154	Nguyễn Đình Diện (khương)		2817			1.408.500
155	Nguyễn Đình Diệu		2727			1.363.500
156	Phan Viết Du		2988			1.494.000
157	Phan Viết Dần		2148			1.074.000

158	Nguyễn Đình Hiền		1941			970.500
159	Chu Thị Thia		2264			1.132.000
160	Nguyễn Thị Lý		2571			1.285.500
161	Lê Thị Hiệu		2685			1.342.500
162	Lê Công Hoa	500	3728			2.364.000
163	Hà Văn Anh	500	3500			2.250.000
164	Lê Thị Tửu	500	2750			1.875.000
165	Phan Viết Bằng		618			309.000
166	Nguyễn Đình An		2418			1.209.000
167	Lê Văn Anh	1000	1615			1.807.500
168	Phan Viết Nhung	500	1900			1.450.000
169	Phan Viết Thái		1797			898.500
170	Phan Văn Thắng		2529			1.264.500
171	Phan Văn Lĩnh		5500			2.750.000
172	Trần Văn Lịch		3685			1.842.500
173	Phan Xuân Lục		3886			1.943.000
174	Nguyễn Thị Yến (thắng)		3836			1.918.000
175	Trần Văn Mím	1000	3272			2.636.000
176	Phan Viết Minh	500	2450			1.725.000
177	Nguyễn Thị Miên	500	1307			1.153.500
178	Lê Thị Phấn (Miên)		2832			1.416.000
179	Phan Thị Nhung		1743			871.500
180	Trần Thị Đỏ		479			239.500
181	Phan Văn Hoa	500	2570			1.785.000

182	Nguyễn Thị Hoát		679			339.500
183	Phan Viết Huyền		1000			500.000
184	Trần Văn Hương	500	2043			1.521.500
185	Phan Viết Hải		3563			1.781.500
186	Lê Văn Cẩm		3409			1.704.500
187	Trần Thị Linh		1681			840.500
188	Lê Thị Thoái	500	2735			1.867.500
189	Trần Thị Thu Hà		1487			743.500
191	Lê Văn Thoại		1055			527.500
		39874	440363	1400	3150	264.518.000